

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU

Bản án số: 277/2024/DS-ST
Ngày 06-9-2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Đen

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Duyên Văn Hiền;

2. Bà Nguyễn Huỳnh Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Nga Muội là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Ngày 06 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 385/2023/TLST-DS ngày 16 tháng 5 năm 2023, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 459/2024/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 8 năm 2024 giữa:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N1.

Địa chỉ: Số B đường L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Châu Văn N - Phó Giám đốc - Chi nhánh T1 tham gia tố tụng (có mặt).

- Bị đơn: Ông Trần Văn D. Sinh năm: 1958 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Đặng Tuyết M (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, cùng các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ đại diện nguyên đơn ông Châu Văn N trình bày:

Ngày 21/7/2019, Ngân hàng N1 (Ngân hàng A) - Chi nhánh huyện T1 có ký hợp đồng tín dụng số 7504-LAV-201905902/HĐTD và hợp đồng tín dụng số 7504-LAV-201905903/HĐTD với ông Trần Văn D.

Hợp đồng tín dụng số LAV-201905902/HĐTD:

Phương thức cho vay: Cho vay theo hạn mức tín dụng.

Mức dư nợ cao nhất: 220.000.000 đồng. Số tiền vay cụ thể được tính cho từng lần nhận nợ và được theo dõi tại phụ lục hợp đồng hoặc giấy nhận nợ kèm theo hợp đồng này. Mục đích sử dụng tiền vay: Sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi. Mức lãi suất được quy định cụ thể trên giấy nhận nợ từng lần. Thời hạn cho vay 12 tháng, kể từ ngày ký kết hợp đồng. Kèm theo giấy nhận nợ ngày 27/11/2019 số tiền 70.000.000 đồng. Cộng dư nợ là 70.000.000 đồng.

Hợp đồng tín dụng số LAV-201905903/HĐTD:

Phương thức cho vay: Cho vay từng lần.

Mức dư nợ cao nhất: 180.000.000 đồng (một trăm tám mươi triệu đồng). Số tiền vay cụ thể được tính cho từng lần nhận nợ và được theo dõi tại phụ lục hợp đồng hoặc giấy nhận nợ kèm theo hợp đồng tín dụng. Mục đích sử dụng tiền vay: Sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi. Mức lãi suất được quy định cụ thể trên giấy nhận nợ từng lần. Thời hạn cho vay 36 tháng, kể từ ngày 27/11/2022. Kèm theo giấy nhận nợ ngày 27/11/2019 số tiền 130.000.000 đồng. Cộng dư nợ là 130.000.000 đồng.

Tổng cộng dư nợ của hai hợp đồng trên là 250.000.000 đồng.

Để đảm bảo khoảng vay trên ông Trần Văn D đã ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, theo hợp đồng thế chấp số KI01052/HĐTC ngày 15/12/2014 thửa đất số 0147, 0156, tờ bản đồ số 08, diện tích 28.100 m² đất tọa lạc tại ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau do ông Trần Văn D đứng tên được cấp vào ngày 26/02/1996.

Ngân hàng đã nhiều lần làm việc trực tiếp và có văn bản yêu cầu ông Trần Văn D thực hiện nghĩa vụ trả nợ nêu trên theo hợp đồng tín dụng và thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất nhưng ông D không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi cho ngân hàng, liên tiếp vi phạm nghĩa vụ đã cam kết với ngân hàng, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, không phối hợp xử lý tài sản bảo đảm làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ngân hàng, gây khó khăn lớn cho công tác thu hồi vốn của Nhà nước và quá trình xử lý thu hồi nợ của ngân hàng.

Nay Ngân hàng A yêu cầu ông Trần Văn D trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 06/9/2024 là 391.299.040 đồng. Trong đó số tiền vay 250.000.000 đồng; tiền lãi: 141.299.040 đồng.

Trường hợp ông D không trả nợ cho Ngân hàng thì yêu cầu ông D tự nguyện phát mại tài sản để thực hiện nghĩa vụ với Ngân hàng. Trường hợp không thực hiện thì Ngân hàng có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản để thu hồi nợ.

- *Bị đơn ông Trần Văn D trình bày:* Ông Trần Văn D đang bị bệnh, hoàn cảnh gia đình khó khăn, nên mong Ngân hàng xem xét cho tiếp tục đáo hạn khoản vay, ông D xin miễn án phí vì ông là người cao tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- *Về thẩm quyền*: Ông Trần Văn D có nơi cư trú tại ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau; nội dung tranh chấp là hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về tố tụng*: Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan xin xét xử vắng mặt. Do đó, Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định.

- *Về quan hệ tranh chấp*: Tranh chấp giữa nguyên đơn là Ngân hàng A với bị đơn là ông Trần Văn D. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền gốc, tiền lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký giữa ngân hàng với ông Trần Văn D do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả tiền gốc, tiền lãi theo thỏa thuận, cam kết trong hợp đồng tín dụng. Bị đơn là cá nhân không có giấy phép đăng ký kinh doanh mục đích vay để tiêu dùng. Căn cứ Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng. Như vậy tranh chấp được xác định là tranh chấp về hợp đồng tín dụng quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung tranh chấp*: Ngày 08/9/2017, Ngân hàng N1 (Ngân hàng A) - Chi nhánh huyện T1 có ký hợp đồng tín dụng số LAV-201703946/HĐTD và hợp đồng tín dụng số LAV-201703947/HĐTD với ông Trần Văn D.

Tổng cộng dư nợ của hai hợp đồng trên là 250.000.000 đồng.

Ông D không tiếp tục trả nợ gốc, nợ lãi theo đúng cam kết trong hợp đồng tín dụng là vi phạm hai Hợp đồng tín dụng. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 06/9/2024 ông D nợ ngân hàng là 391.299.040 đồng. Trong đó số tiền vay 250.000.000 đồng; tiền lãi: 141.299.040 đồng. Do đó, ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn D trả số tiền nêu trên là phù hợp với thỏa thuận của các bên theo hợp đồng tín dụng là có căn cứ theo khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 95, điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc xử lý tài sản thế chấp:

Hội đồng xét xử nhận thấy, để đảm bảo khoảng vay trên ông Trần Văn D đã ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, theo hợp đồng thế chấp số KI01052/HĐTC ngày 15/12/2014 thửa đất số 0147, 0156, tờ bản đồ số 08, diện tích 28.100 m² đất tọa lạc tại ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau do ông Trần Văn D đứng tên được cấp vào ngày 26/02/1996.

Xét thấy hợp đồng thế chấp được lập trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ đúng quy định pháp luật, được chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã K và được đăng ký thế chấp tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện T ngày 26/12/2014 đến nay các đương sự không có tranh chấp ý kiến gì về việc thế chấp, về hợp đồng thế chấp đã ký.

Do vậy, việc nguyên đơn đề nghị phát mại tài sản thế chấp trong trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là phù hợp với thỏa thuận của các bên tại hợp đồng thế chấp cũng như phù hợp với quy định tại khoản 7 Điều 323 Bộ luật dân sự nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, án phí đã dự nộp được nhận lại. Bị đơn là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí, nên bị đơn được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 91, 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 298, Điều 299, Điều 317, Điều 318; Điều 319, Điều 322, khoản 7 Điều 323 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 90, khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95, điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N1.

Buộc ông Trần Văn D phải trả cho Ngân hàng N1 số tiền là 391.299.040 đồng (*Ba trăm chín mươi một triệu hai trăm chín mươi chín nghìn không trăm bốn mươi đồng*). Trong đó số tiền gốc 250.000.000 đồng, tiền lãi: 141.299.040 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo ngày 06/9/2024, Khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

Ngân hàng N1 phải trả cho ông Trần Văn D. Giấy tờ về tài sản thế chấp của ông Trần Văn D là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E 0127430 là tài sản thế chấp được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Trần Văn T đăng ký vào ngày 26/12/2014 khi các nghĩa vụ được bảo đảm bằng tài sản này đã được thanh toán xong.

Tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp số KI01052/HĐTC ngày 15/12/2014. Trường hợp ông Trần Văn D không trả hoặc trả không đầy đủ cho Ngân hàng N1 thì ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền phát mại, xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất thuộc thửa số 0147, 0156, tờ bản đồ số 08, diện tích

28.100 m² đất tọa lạc tại ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau do ông Trần Văn D đứng tên được cấp vào ngày 26/02/1996 để thu hồi nợ.

2. Về án phí: Bị đơn ông Trần Văn D là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí, nên bị đơn được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng N1 được nhận lại số tiền 8.512.000 đồng theo biên lai thu số 0006753 ngày 16/5/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Trần Văn Thời;
- Chi cục thi hành án dân sự H. Trần Văn Thời;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Văn Đen